

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 830/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2020
V/v: Chị Phạm Thị T xin ly hôn anh
Lưu Văn Q*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị NM

Hội thẩm nhân dân: ông Bạch Ngọc K và bà Đỗ Thị L

- Thư ký phiên tòa: Bà Lỗ Thị Kiều O – Thư ký Tòa án nhân dân quận H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Thùy N - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 675/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/QĐXX-ST ngày 28/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991;

ĐKTT và trú tại: Phú Mỹ, BG,H,HN. Có mặt

- Bị đơn: Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1982;

ĐKTT: tổ 13, YN,H,HN.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân – Cục C10 – Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Lưu Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi từ năm 2008. Đến năm 2010 hai bên đăng ký kết hôn tại UBND phường YN, quận H, Thành phố HN. Quá trình chung sống không phát sinh mâu thuẫn lớn, nguyên nhân dẫn đến việc chị T xin ly hôn anh Q là do hai bên không có con chung. Mặt khác, từ năm 2013, anh Q phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T có quan điểm xin ly hôn với anh Lưu Văn Q.

Về con chung: Chị T xác định không có con chung

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, công sức và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Lưu Văn Q trình bày ý kiến như sau: Anh xác nhận anh và chị Phạm Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YN, quận H, thành phố HN năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống tại nhà của anh ở YN, quận H, thành phố HN. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng chưa có con chung. Sau đó, năm 2013 anh phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị T có yêu cầu xin ly hôn thì anh đồng ý.

Con chung: Anh Q xác nhận vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung.

Hiện nay, anh đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân nên xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân của anh chị tại tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo ý kiến trình bày trên của anh.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã không còn tồn tại trên thực tế, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh Q. Về con chung, về tài sản chung, công sức, công nợ chung: không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Việc chị Phạm Thị T xin ly hôn anh Lưu Văn Q là tranh chấp về việc Ly hôn. Anh Lưu Văn Q đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân – cục C10 – Bộ công an; anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quận H, do đó theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố HN.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh Q đang chấp hành án tại trại giam Thanh Xuân và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lưu Văn Q.

Về nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lưu Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường YN, quận H, thành phố HN ngày 04/8/2010 theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh Q chung sống hòa thuận hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa có con chung. Năm 2013, anh Q phải đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, thực tế chị T và anh Q đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc nhau và cả hai đã không còn thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng với nhau; mục đích của hôn nhân không

đạt được. Chị T xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh Q.

[2]. Về con chung: Chị T và anh Q đều xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản, công sức và công nợ chung: Chị T và anh Q đều xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T. Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lưu Văn Q

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 9587 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quậnH, thành phốHN.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHN.;
- VKSND quậnH;
- Chi cục THA dân sự quậnH;
- UBND phường (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn).
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị NM

à có đăng ký kết hôn ngày 30/01/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Phúc La, H, Hà Tây (nay là thành phố HN) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly

thân từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai việc này anh Huy và chị Thắm đều thừa nhận. Chị Thắm nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Huy được nữa nên đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận H giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huy. Xét thấy quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân của chị Thắm và anh Huy bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Anh Huy có nguyện vọng muốn đoàn tụ vợ chồng, nhưng nếu chị Thắm cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Thắm với anh Đỗ Quang Huy.

3. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Gia Bảo, sinh ngày 13/5/2007 và Đỗ Gia Hào, sinh ngày 30/12/2009. Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Chị Thắm có nguyện vọng muốn nuôi 1 trong 2 con chung, anh Huy có nguyện vọng muốn nuôi hai con chung; xét hoàn cảnh cụ thể của chị Thắm và anh Huy, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của con chung thấy giao chị Thắm và anh Huy mỗi người nuôi một con chung là hợp lý; cháu Hào có nguyện vọng được ở cùng mẹ nên giao cháu Đỗ Gia Hào cho chị Phùng Thị Thắm, giao cháu Đỗ Gia Bảo cho anh Đỗ Quang Huy trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh chị không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

5. Về tài sản của vợ chồng tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét.

Nợ chung không có.

6. Về án phí: chị Phùng Thị Thắm phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị Thắm. Xử cho chị Phùng Thị Thắm được ly hôn anh Đỗ Quang Huy.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia Bảo, sinh ngày 13/5/2007 cho anh Đỗ Quang Huy; giao cháu và Đỗ Gia Hào, sinh ngày 30/12/2009 cho chị Phùng Thị Thắm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị Thắm và anh Huy không cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác khác.

Chị Phùng Thị Thắm và anh Đỗ Quang Huy có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị Thắm phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số ngày tại Chi cục thi hành án dân sự quậnH, thành phốHN.

4. Về quyền kháng cáo: chị Phùng Thị Thắm, anh Đỗ Quang Huy có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHN;
- VKSND TPHN;
- VKSND quậnH;
- THADS quậnH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**